

34	HSO268690053598	010219	Đào Thành Đạt	22/07/2011	Trường Trung học cơ sở Châu Hòa	Hóa học	5.75	6.25	6.50	7.25	TT04	9.9	9.5	33.00
35	HSO268690067841	010204	Bùi Thị Phương Anh	26/09/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	Hóa học	5.75	6.25	8.00	6.50	TT03	10	9.7	33.00
36	HSO268690049008	010482	Đào Khương Duy	30/07/2011	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát	Lịch sử	6.25	5.00	7.00	7.25		9.9	9.4	32.75
37	HSO268690070055	010492	Trương Nguyễn Duy Long	09/08/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Lịch sử	6.25	4.00	6.75	7.50		10	9.6	32.00
38	HSO268690060353	010509	Huỳnh Đình Quang	26/04/2011	Trường THCS Thành Thới A	Lịch sử	6.25	5.25	7.00	6.50		10	9.7	31.50
39	HSO268690067197	010508	Nguyễn Huỳnh Khánh Phương	10/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.25	6.00	8.00	5.50		9.9	9.5	31.25
40	HSO268690073285	010486	Hồ Ngọc Bảo Hân	10/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.75	3.75	8.50	5.75		9.9	9.5	30.50
41	HSO268690087879	010502	Trần Ngọc Ánh Như	05/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.00	4.50	8.75	5.50		9.8	9.6	30.25
42	HSO268690049672	010497	Lê Trần Khánh Ngọc	27/05/2011	Trường Trung học cơ sở Hưng Phong	Lịch sử	5.25	5.50	5.25	6.75	TT02	9.9	9.6	29.50
43	HSO268690052315	010485	Phan Ngọc Minh Hằng	09/08/2011	Trường THCS Phú Hưng	Lịch sử	6.50	4.75	7.75	5.25	TT03	9.6	9.5	29.50
44	HSO268690061833	010510	Lê Trọng Quý	01/10/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Lịch sử	6.50	4.75	6.25	5.75	TT02	9.9	9.2	29.00
45	HSO268690056835	010501	Trương Thị Yến Nhi	20/08/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Lịch sử	5.25	6.00	7.25	5.25		9.5	9.6	29.00
46	HSO268690088827	010517	Nguyễn Nguyễn Khánh Vy	07/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.75	5.50	8.75	4.00		10	9.8	29.00
47	HSO268690064934	010512	Võ Thị Ngọc Thảo	13/12/2011	Trường THCS Phú Hưng	Lịch sử	4.50	4.25	7.00	6.50	TT03	9.7	9.5	28.75
48	HSO268690090485	010499	Lê Yến Nhi	25/08/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Lịch sử	6.00	4.25	4.75	6.25		9.8	8.9	27.50
49	HSO268690054852	010496	Đặng Hồng Ngọc	09/10/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Lịch sử	6.00	3.25	7.75	5.25	TT04	9.9	9.4	27.50
50	HSO268690071964	010511	Phạm Ngọc Nhã Quỳnh	17/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.00	4.00	8.00	4.25		9.8	9.4	26.50
51	HSO268690070648	010480	Phan Xuân Bách	01/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	5.25	6.00	6.00	4.50		9.8	9.2	26.25
52	HSO268690070207	010498	Nguyễn Như Ngọc	14/02/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Lịch sử	4.75	4.50	6.25	5.25		9.9	9.2	26.00
53	HSO268690072053	010490	Lê Tuấn Kiệt	02/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	5.50	3.00	5.75	5.75		10	9.5	25.75
54	HSO268690055516	010494	Nguyễn Cao Quỳnh Ngân	31/01/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Lịch sử	5.75	4.75	6.00	4.50	TT04	9.5	8.9	25.50
55	HSO268690051926	010489	Nguyễn Đỗ Mai Khôi	27/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	5.50	5.50	5.25	4.50		9.8	9.5	25.25
56	HSO268690049677	010495	Châu Huỳnh Nghi	09/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	5.25	3.75	6.25	4.50		9.4	8.8	24.25
57	HSO268690061190	010487	Trần Hoàng	30/04/2011	Trường THCS Mỹ Hóa	Lịch sử	4.50	5.00	5.00	4.75		9.6	8.5	24.00
58	HSO268690066796	010493	Trần Huỳnh Khôi My	17/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	7.00	3.50	5.00	4.00		9.7	9.3	23.50
59	HSO268690051952	010503	Trần Phan Quỳnh Như	02/03/2011	Trường THCS Phú Hưng	Lịch sử	5.75	3.75	6.00	4.00		9.4	9.5	23.50
60	HSO268690092143	010505	Võ Quốc Phú	07/10/2011	Trường THCS Nguyễn Văn Tư	Lịch sử	5.50	3.50	4.75	4.50		9.6	9	22.75
61	HSO268690056512	010513	Huỳnh Sơn Trúc Tiên	03/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	4.75	3.50	8.50	2.75		9.8	9.5	22.25
62	HSO268690091818	010488	Lê Ngọc Hương Huyền	19/08/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Lịch sử	4.92	2.75	4.75	4.75		9.9	9.2	21.92
63	HSO268690095504	010491	Trương Nguyễn Quỳnh Lam	24/02/2011	Trường TH-THCS An Phước	Lịch sử	6.25	6.25	4.75	2.25		10	9.6	21.75
64	HSO268690065409	010500	Phạm Thị Ý Nhi	08/06/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Lịch sử	4.25	2.75	7.75	3.25		9.4	9.1	21.25
65	HSO268690056842	010514	Đào Ngọc Minh Uyên	03/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	4.00	4.50	7.00	2.75		9.4	9.1	21.00
66	HSO268690071243	010515	Trần Phương Uyên	08/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	6.50	4.00	4.25	3.00		9.8	9.6	20.75
67	HSO268690062252	010484	Nguyễn Minh Hằng	20/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	4.25	2.25	4.50	4.75		9.5	9	20.50
68	HSO268690066399	010516	Lâm Ngọc Thanh Vân	07/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	4.50	2.75	3.75	4.25		9.6	9.1	19.50
69	HSO268690058668	010481	Bùi Gia Bảo	29/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Lịch sử	5.00	1.50	4.00	2.75		9.8	9.2	16.00
70	HSO268690092810	010404	Vân Hoàng Châu	23/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Ngữ Văn	7.25	8.75	9.50	7.50	TT04	9.8	9.9	40.50